

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án Chiến lược bảo vệ môi trường
tỉnh Bình Phước đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 137/TTr-STNMT ngày 10/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2030. Các nội dung chính của Dự án được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-15-QĐ-12/4).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

**DỰ ÁN CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **600/QĐ-UBND** ngày **17/11/2023**
của UBND tỉnh Bình Phước)

I. QUAN ĐIỂM

- Môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết để phát triển bền vững kinh tế, xã hội; bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển của tỉnh; phát triển phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không hy sinh môi trường vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư có vai trò quan trọng; bảo vệ môi trường phải dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, tận dụng cơ hội của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

- Ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ môi trường phải dựa trên tăng cường thể chế và thực thi pháp luật; tăng trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch và sự giám sát của cộng đồng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng các thành quả của cách mạng công nghiệp 4.0; thúc đẩy cách tiếp cận liên ngành, liên vùng, kinh tế tuần hoàn, tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, phát triển kinh tế xanh, cac-bon thấp.

- Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; tăng cường quản lý môi trường dựa trên tiếp cận thị trường, nâng cao hiệu quả của các công cụ kinh tế theo nguyên tắc người gây ô nhiễm, người hưởng lợi từ môi trường phải trả tiền; đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân trong bảo vệ môi trường.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách, từng bước cải thiện chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm của đa dạng sinh học; nâng cao năng lực, từng bước chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây

dựng và phát triển nền kinh tế xanh, cac-bon thấp, hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2023 - 2025

- Kiểm soát tốt các nguồn khí thải công nghiệp, đảm bảo các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động có phát sinh khí thải xây dựng công trình xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; 100% các cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Công tác giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí xung quanh tại các đô thị, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải được tăng cường, đảm bảo tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí (AQI) ở mức tốt đạt 70%.

- 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường và nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

- 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom.

- Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các nguồn xả thải, phấn đấu 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sản xuất phù hợp, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường.

- 100% các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đang hoạt động và đầu tư mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường và lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- 100% các cơ sở có phát sinh nước thải, khí thải thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Phấn đấu có ít nhất 50% số cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên liệu; 75% các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nhà máy trong và ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp thực hiện phân loại rác thải tại nguồn và tái chế sử dụng; nâng tỷ lệ sử dụng các dạng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đạt 10% tổng năng lượng tiêu thụ.

- 100% các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm có hệ thống xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo các quy định của pháp luật về xử lý nước thải theo quy định.

- 100% lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Kiểm soát tốt nguồn khí thải từ hoạt động giao thông vận tải.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn khí thải phát sinh từ các hoạt động dân sinh, xây dựng, nông nghiệp.

- Hạn chế và giảm thiểu được tình trạng cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; đảm bảo cung cấp ổn định nguồn nước cho các hoạt động sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp.

- 100% cơ sở sản xuất công nghiệp được phổ biến kiến thức về sản xuất sạch hơn, trên 80% cơ sở sản xuất công nghiệp nhận thức được lợi ích áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, 50% các cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn; các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn tiết kiệm được từ 05 - 10% mức tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trên đơn vị sản phẩm.

- 100% chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được phân loại tại nguồn; 90 - 95% các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị đóng cửa, được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất và có bãi tập kết tạm thời, có hệ thống trạm trung chuyển để đẩy mạnh việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

- Cơ bản hoàn thành việc xây dựng các nhà máy xử lý rác thải tập trung cho các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo xử lý hết lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh.

- 100% các đô thị lớn có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- 100% các bệnh viện, cơ sở y tế có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn.

- Có ít nhất 70% số cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên liệu; nâng tỷ lệ số cơ sở sản xuất, nhà máy trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp sử dụng các dạng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đạt 20% tổng năng lượng tiêu thụ.

III. NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất lượng môi trường không khí

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí và khí thải trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành; các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn để giảm phát thải khí thải; ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh theo Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng quy chế phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí liên tỉnh, liên vùng; hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng môi trường không khí của cơ quan quản lý thuộc các Sở, ngành và địa phương.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị, tăng cường đào tạo nhân lực để nâng cao năng lực quản lý nhằm đáp ứng công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025; các Đề án nghiên cứu ứng dụng nhiên liệu sạch trên địa bàn tỉnh, tập trung vào nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nhiên liệu sinh học và đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng sử dụng nhiên liệu sinh học.

- Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất nhằm hạn chế phát sinh khí thải; nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường; lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

- Hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục; thiết lập các điểm quan trắc môi trường không khí theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động liên tục từ cơ sở sản xuất tới Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tập trung kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện chính sách kiểm soát khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; phát triển các phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng, nhiên liệu thân thiện với môi trường.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí do các nguồn khí thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực nông thôn; kiểm soát ô nhiễm không khí trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; triển khai các giải pháp hạn chế hoạt động đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp; thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

- Kiểm soát các tác động từ hoạt động của ngành y tế đối với môi trường không khí; tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí từ các lò đốt chất thải y tế.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không khí tại các công trường xây dựng, cơ sở công nghiệp, năng lượng, y tế và giao thông vận tải; xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm.

- Tăng cường công tác kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường nguồn ngân sách cho các cơ quan quản lý nhà nước về các hoạt động đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí; huy động các nguồn lực đầu tư ngoài vốn ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác cho hoạt động quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học về việc đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất sản xuất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giám sát chất lượng không khí xung quanh; huy động sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng và các nguồn khí thải khác.

- Công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh tại các khu vực có đo đạc trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức tập huấn, phổ biến các kiến thức, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí hiện hành cho cán bộ quản lý môi trường các ngành, địa phương, người dân và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường kiểm soát việc xử lý và xả nước thải của các khu công nghiệp, nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư tập trung, khu đô thị trên địa bàn tỉnh có nguồn tiếp nhận là các sông, suối.

- Bảo vệ chất lượng nước dưới đất trên cơ sở khoanh vùng mức độ tổn thương của các tầng chứa nước; bảo vệ trữ lượng nước dưới đất trên cơ sở xác định mực nước hạ thấp cho phép trong các tầng chứa nước trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các chính sách, các quy định và quy trình kỹ thuật về sử dụng, bảo vệ và quản lý nguồn nước; thực hiện chương trình tăng cường đầu tư trang thiết bị và công cụ phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước các cấp.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên nước; phát động các phong trào quần chúng tham

gia bảo vệ tài nguyên nước; có cơ chế thích hợp, tạo điều kiện để người dân tham gia hoặc hỗ trợ đắc lực cho việc giám sát bảo vệ tài nguyên nước.

- Ban hành cơ chế chính sách ưu đãi về vốn, thuế, tín dụng cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước để thu hút đầu tư; việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của các đối tượng khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước; các quy định cụ thể về khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước; ưu tiên sử dụng nước mặt để cấp cho sinh hoạt và các lĩnh vực sản xuất quan trọng của tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện phân vùng hạn chế phát thải; các chương trình tăng cường trang thiết bị, công cụ phục vụ xử lý thông tin, đánh giá trong công tác quản lý tài nguyên nước.

- Bổ sung biên chế, tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực và chuyên môn phù hợp, kết hợp với công tác đào tạo, tập huấn để tăng cường năng lực của cán bộ quản lý tài nguyên nước ở các cấp.

- Tăng cường hợp tác trong việc quản lý tài nguyên nước mang tính liên vùng, liên quốc gia; xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam bộ và Tây Nguyên trong việc quản lý, kiểm soát chất lượng, trữ lượng tài nguyên nước các sông Bé, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn; hoàn chỉnh mạng lưới quan trắc tại các lưu vực sông Bé, sông Đồng Nai, sông Măng và sông Sài Gòn.

- Xây dựng cơ chế phối hợp trong công tác bảo vệ, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm tài nguyên nước; quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên nước của tỉnh, đặc biệt là các điểm nóng, các khu vực có nguồn nước đã có dấu hiệu ô nhiễm.

- Xây dựng đề án huy động các nguồn lực để bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Từng bước thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ tài nguyên nước để tăng cường năng lực tài chính.

3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp

3.1. Về chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Tăng cường quản lý và kiểm soát chất thải rắn công nghiệp thông thường từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải rắn công nghiệp thông thường; ưu tiên xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp.

- Tăng cường tái chế, tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên triển khai các hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất.

- Tiếp tục triển khai sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm hạn chế phát thải chất thải rắn ra môi trường.

3.2. Về chất thải rắn công nghiệp nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phải được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng. Đa dạng hóa công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại bằng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Khuyến khích thu gom, xử lý chất thải nguy hại liên vùng, liên tỉnh; xây dựng, phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại tập trung theo quy hoạch quản lý chất thải rắn được phê duyệt, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Khuyến khích xây dựng các cơ sở xử lý, tái chế chuyên sâu đối với các loại chất thải nguy hại đặc thù đồng thời với việc phát triển các cơ sở xử lý có khả năng tái chế, xử lý đa dạng các loại chất thải nguy hại khác nhau; tăng cường việc chuyển giao chất thải giữa các cơ sở xử lý chất thải để tận dụng thế mạnh của mỗi cơ sở trong quá trình xử lý.

- Hạn chế và tiến tới loại bỏ việc tự xử lý chất thải nguy hại tại nơi phát sinh có sử dụng công nghệ đốt hoặc chôn lấp.

- Ưu tiên hoạt động đồng xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật nhằm hạn chế tối đa việc tiêu hủy chất thải trong lò đốt chất thải chuyên dụng.

- Tăng cường việc tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hạn chế việc cấp phép xử lý bằng biện pháp chôn lấp, hóa rắn đối với các loại chất thải nguy hại có khả năng tái chế, tái sử dụng.

4. Quản lý chất thải rắn đô thị

- Ban hành các cơ chế quản lý chất thải rắn đô thị, hoàn thiện chính sách về tái chế chất thải rắn, phát triển ngành công nghiệp tái chế thân thiện với môi trường; xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn đô thị.

- Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, đầu tư các nhà máy/khu xử lý chất thải rắn tập trung nhằm đảm bảo xử lý triệt để các chất thải rắn đô thị phát sinh.

- Đẩy mạnh phân loại chất thải rắn tại nguồn theo tính chất và phương thức xử lý để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế. Thực hiện thu phí theo loại hình, mức độ phân loại và lượng phát sinh đối với chất thải rắn sinh hoạt.

- Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị và hệ thống trạm trung chuyển để đẩy mạnh việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị; mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn.

- Tăng cường tái chế chất thải rắn đô thị, hạn chế tối đa chất thải nhựa phát sinh phải thu gom, vận chuyển đi xử lý; thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng và tái chế chất thải nhựa; hạn chế việc sản xuất và tiêu dùng, tiến tới dừng sản xuất, tiêu thụ bao bì, túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

- Giảm thiểu chất thải ở các trường học ở địa phương: Hướng dẫn các trường lắp đặt các hệ thống phân loại rác thải và thực hiện phân loại rác thải tại trường, tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi

hành vi trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải nhựa, thúc đẩy chiến lược 4Rs (từ chối, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) hướng đến giảm thiểu 05% lượng rác thải nhựa.

- Triển khai các hoạt động giảm thiểu chất thải thông qua các mô hình phân loại rác tài nguyên, tái chế rác hữu cơ và giảm sử dụng túi ni lông tại nguồn.

5. Quản lý nước thải

- Đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt cho các khu vực đô thị lớn; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình xử lý nước thải tại các đô thị đã được quy hoạch.

- Tăng cường kiểm soát việc xử lý nước thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là nước thải từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng và chế biến thủy sản, chăn nuôi và giết mổ gia súc, y tế.

- Yêu cầu tất cả khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất có phát sinh nước thải đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải, thực hiện nghiêm quy định về quan trắc nước thải tự động, kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường.

- Nghiên cứu, triển khai áp dụng các giải pháp, mô hình xử lý nước thải phi tập trung, xử lý tại chỗ đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom. Thúc đẩy tái sử dụng nước mưa, nước thải, bùn thải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của các địa phương, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quy định.

- Thực hiện điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông, hồ trên địa bàn tỉnh; không phát triển thêm các dự án có nước thải xả vào các nguồn nước mặt đã không còn khả năng chịu tải.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế cho các bệnh viện tuyến huyện chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6. Quản lý các nguồn gây ô nhiễm công nghiệp

- Phân loại các dự án đầu tư mới theo mức độ tác động đến môi trường ngay từ khi thực hiện đánh giá tác động môi trường để kiểm soát trong suốt vòng đời hoạt động; thực hiện bổ sung đánh giá tác động môi trường sơ bộ đối với nhóm dự án có tác động môi trường cao.

- Thực hiện cấp giấy phép môi trường tích hợp theo mức độ tác động đến môi trường, dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường và sức chịu tải môi trường, làm cơ sở để quản lý và kiểm soát tổng hợp ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động của các dự án đầu tư.

- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định quan trắc chất thải tự động, liên tục và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường đối với nhóm dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, các dự án thường xuyên vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.



- Không phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư, các khu vực nhạy cảm về môi trường; di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm ra khỏi các khu dân cư, đặc biệt là các cơ sở có sử dụng các hóa chất độc hại.

- Nhân rộng mô hình sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát và yêu cầu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải nhưng không đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải khắc phục, cải tạo, nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường; đóng cửa các cơ sở, doanh nghiệp không có khả năng khắc phục, cải tạo; không cho phép khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tiếp nhận các dự án đầu tư.

7. Quản lý các vấn đề môi trường về nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Tăng cường công tác quản lý chăn nuôi, khuyến khích phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y và môi trường trong chăn nuôi.

- Hướng dẫn, nâng cao ý thức của các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo an toàn, hiệu quả, giảm tối đa lượng hóa chất độc hại thải ra môi trường trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Tái cơ cấu trong trồng trọt, chăn nuôi theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững. Sử dụng giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch, di dời các trang trại chăn nuôi ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng các trang trại theo hình thức trại lạnh, xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học kỵ khí nhằm thu hồi khí sinh học, tận dụng làm nhiên liệu.

- Xây dựng và triển khai, nhân rộng các chương trình năng lượng xanh, sạch tái sử dụng từ phế thải nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn: hệ thống thoát nước, nhà máy xử lý nước thải, hệ thống trạm trung chuyển rác, xử lý rác thải.

- Tăng cường đào tạo, phổ biến, nâng cao kiến thức người dân về kỹ thuật và phương thức nuôi trồng hợp lý, các quy định về khai thác và nuôi trồng thủy sản, các quy định về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung vào các khu vực có tỷ lệ thấp về số dân được cung cấp nước sạch, thiếu nguồn nước thay thế nước sạch; ưu tiên đầu tư, vay vốn ODA nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình cung cấp nước sạch khu vực nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ công chức, viên chức ngành nông nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư cấp làng, xóm, thôn trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn.

8. Quản lý các vấn đề môi trường đối với sức khỏe

- Lập kế hoạch và từng bước thực hiện việc xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường, ưu tiên đối với các vùng trong hoặc gần khu dân cư, đầu nguồn nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân.

- Phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ phát sinh chất thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn) gia tăng; đồng thời giảm thiểu các nguồn thải hiện đang gây ô nhiễm môi trường, hướng tới mục tiêu không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường mới.

- Xác định, cảnh báo và xử lý nguồn phát thải các chất ô nhiễm và các yếu tố môi trường có tác động đến sức khỏe con người như PCB, dioxin, amiang...; tiến tới dừng sử dụng các vật liệu xây dựng có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường. Thực hiện các biện pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ sức khỏe cộng đồng đối với các dịch bệnh do các yếu tố môi trường gây ra.

- Hạn chế phát triển các nhóm ngành có nguy cơ cao gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; từng bước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, môi trường thuận lợi cho nền kinh tế xanh.

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; đưa chất thải vào tỉnh.

- Khuyến khích áp dụng mô hình quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000, sản xuất sạch hơn, kiểm toán chất thải, đánh giá vòng đời sản phẩm, các mô hình quản lý môi trường tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung, giải pháp vệ sinh môi trường của chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục; khuyến khích thực hiện hỏa táng theo đúng quy định trong người dân.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, cơ sở sản xuất, chế biến, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, kho, bãi, chợ thân thiện với môi trường.

- Mở rộng phạm vi dịch vụ cung cấp nước sạch, giảm thiểu thất thoát nước ở khu vực đô thị; tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế cho người dân ở khu vực nông thôn.



9. Nâng cao nhận thức cộng đồng

- Xây dựng các kế hoạch, chương trình nâng cao nhận thức cho các đối tượng khác nhau.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức người dân.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, các trang thông tin điện tử (website), bản tin của các cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp về các quy định pháp luật bảo vệ môi trường, phòng ngừa và thích ứng với biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học...

10. Các vấn đề môi trường khác

10.1. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái

- Lồng ghép việc bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên vào các chính sách, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Tiếp tục tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; chú trọng bảo vệ rừng tự nhiên, rừng nguyên sinh; đẩy mạnh giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng; xây dựng cơ chế cho phép kết hợp khai thác các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội.

- Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực phòng, chống, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy; tiếp tục thực hiện trồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng.

10.2. Ngăn chặn sự suy giảm các loài và nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học

- Xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, cây trồng vật nuôi được ưu tiên bảo vệ. Phát triển hệ thống cơ sở bảo tồn, vườn động vật, vườn thực vật, vườn cây thuốc.

- Tiếp tục kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác, đánh bắt, buôn bán trái phép thực vật, động vật hoang dã, quý hiếm. Dừng nhập khẩu động vật hoang dã; rà soát, đánh giá, kiểm tra, giám sát hoạt động gây nuôi động vật hoang dã; xóa bỏ các chợ, tụ điểm mua bán động vật hoang dã trái pháp luật.

- Cấm nhập khẩu, buôn bán các loài sinh vật ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, tuyệt đối tuân thủ các quy định Nhà nước về quản lý sinh vật ngoại lai. Tăng cường kiểm soát rủi ro từ sinh vật biến đổi gen, chú trọng việc quản lý nhập khẩu, cấp phép, nhân giống sinh vật biến đổi gen.

10.3. Tăng cường bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất rừng, mặt nước.

- Thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác và sử dụng nguồn nước; thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt.

- Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản; thực hiện nghiêm quy định về ký quỹ phục hồi môi trường, tận dụng môi trường phục hồi sau khai thác để phát triển du lịch và các mục đích khác.

- Tiếp tục kiểm soát, ngăn chặn và loại bỏ các hình thức đánh bắt, khai thác thủy sản mang tính hủy diệt; thực hiện đồng quản lý nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng; phát triển các mô hình thủy sản kết hợp trồng trọt bền vững.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực quản trị môi trường

- Cụ thể hóa, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện của tỉnh. Sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường, các sản phẩm sinh thái; hỗ trợ các hoạt động xử lý, cải tạo ô nhiễm môi trường, tái chế, tái sử dụng chất thải để tạo ra nguyên liệu và năng lượng; khuyến khích, hỗ trợ về vốn đối với các cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất sạch, ít chất thải; cơ chế, chính sách về đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường, các hợp phần tài nguyên môi trường trong quy hoạch của tỉnh, kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học theo các quy định hiện hành.

- Rà soát, khắc phục các chồng chéo, bất cập, xung đột trong chức năng nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường giữa các sở, ngành và địa phương. Tăng cường liên kết giữa các vùng và địa phương trong bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính về môi trường; chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

- Tăng cường năng lực quản trị môi trường của doanh nghiệp; yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở thuộc loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải bảo đảm nhân lực quản lý môi trường về số lượng và chất lượng.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Triển khai có hiệu quả nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong các chương trình, đề án, kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/09/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác quản lý Nhà nước về môi trường các cấp, xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp cụ thể cho các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị về quản lý và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

- Tăng cường đào tạo chuyên sâu về quản lý môi trường cho các cán bộ quản lý thông qua các khóa đào tạo sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ). Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường, nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

- Tranh thủ nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để cử cán bộ đi tham quan học tập, tham gia các hội nghị, hội thảo ở nước ngoài về công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Tăng cường nguồn nhân lực, trang thiết bị về bảo vệ môi trường cho các cấp chính quyền tỉnh, huyện và xã; đẩy mạnh sự phối hợp giữa chính quyền các địa phương với các cơ quan bảo vệ môi trường tỉnh để tăng sự cưỡng chế tuân thủ pháp luật.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn cho các cán bộ, chuyên viên các cấp, ngành về các chính sách, quy định pháp luật bảo vệ môi trường, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

- Khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu, học tập, đăng ký hoạt động và quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý quy hoạch; trong đó phải tính đến các mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh cung cấp, công khai, minh bạch thông tin trong quản lý môi trường đến cộng đồng; nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ quản lý môi trường các cấp.

- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và các cơ quan truyền thông đối với bảo vệ môi trường thông qua phát triển các nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, các đường dây nóng về môi trường.

- Hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường của tỉnh nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và số liệu tin cậy cho việc đánh giá hiện trạng và diễn biến môi trường. Theo dõi, đánh giá và dự báo diễn biến hiện trạng các thành phần môi trường để kịp thời xác định các vấn đề môi trường cấp bách của tỉnh nhằm có hướng xử lý.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định ngay từ khâu xây dựng, phê duyệt các dự án đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư cho doanh nghiệp; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, xem đây là công cụ quan trọng trong việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, phân loại các cơ sở, doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư buộc phải dừng hoạt động hoặc di dời; các cơ sở, doanh nghiệp ít nghiêm trọng hơn yêu cầu thời gian khắc phục.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất đang hoạt động, nhất là đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp có lượng chất thải phát sinh lớn; phát hiện sớm và kịp thời xử lý nghiêm những đơn vị hoạt động không tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, có hành vi gây ô nhiễm; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

3. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp chính quyền và người dân về bảo vệ môi trường

- Các cấp chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, đổi mới nội dung, xác định đối tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, chủ trang trại, cơ sở sản xuất...

- Tuyệt đối không phóng sinh ra môi trường tự nhiên các loài sinh vật ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại. Khi phát hiện các loài sinh vật lạ, cần báo ngay với chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng về quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Sử dụng nhiều hình thức để phổ cập các kiến thức môi trường cho người dân; tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về môi trường, phát triển bền vững cho mọi người.

- Khen thưởng, động viên kịp thời và thường xuyên những cá nhân, tổ chức có sáng kiến, thành tích trong phong trào cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Thông báo rộng rãi các gương tốt về bảo vệ môi trường qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Liên kết chặt chẽ giữa các sở, viện nghiên cứu, tổ chức liên quan biên soạn và ấn hành tài liệu về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học theo từng chủ đề ưu tiên phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao nhận thức.

- Lồng ghép chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường vào tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân; đồng thời, triển khai Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường... đến từng tổ chức quản lý môi trường ở cấp huyện, cấp xã, cơ sở sản xuất, gắn việc bảo vệ môi trường vào nội dung xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư để mọi người hiểu rõ nghĩa vụ, quyền lợi, tự giác chấp hành.

- Phát động rộng rãi trong người dân các chương trình, phong trào toàn dân bảo vệ môi trường gắn với các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường; tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phát huy truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi với thiên nhiên.

- Thông qua các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, nêu gương, khích lệ các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ môi trường và có công trình, dự án, giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả; đồng thời, tạo dư luận xã hội lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các cuộc thi, hội thảo khoa học phổ biến các kết quả nghiên cứu, kinh nghiệm cải tạo ô nhiễm môi trường và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho các địa phương.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực về bảo vệ môi trường

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, các hình thức đối tác công tư (PPP) trong bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư cho lĩnh vực quản lý, bảo vệ môi trường; có cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế, người dân tham gia đầu tư vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải (gồm: nước thải, rác thải công nghiệp và sinh hoạt).

- Đảm bảo mức chi cho sự nghiệp môi trường không dưới 01% tổng chi ngân sách và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm của tỉnh; kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường như: thúc đẩy hiệu quả hợp tác công tư trong đầu tư bảo vệ môi trường; quy định mức chi cho bảo vệ môi trường theo tỷ lệ vốn đầu tư của các dự án.

- Tích cực, chủ động đề xuất các dự án về bảo vệ môi trường để thu hút nguồn lực đầu tư từ các tổ chức, cá nhân, định chế tài chính quốc tế, các quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới. Tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân cho công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho lĩnh vực quản lý, bảo vệ môi trường của tỉnh, thành lập và phát triển các quỹ môi trường thông qua sự đóng góp của người dân, các doanh nghiệp, nhà tài trợ trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ.

5. Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế về bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm thu hút nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường; tích cực tranh thủ các nguồn viện trợ của Chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ và các nguồn tài trợ quốc tế khác về đào tạo, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, trợ giúp kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý môi trường.

- Tham gia, tổ chức thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong các lĩnh vực về quản lý chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng hợp tác với các tỉnh, quốc gia láng giềng về các vấn đề môi trường liên vùng, xuyên biên giới như bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương nhằm học hỏi kinh nghiệm về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường liên quan.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào bảo vệ môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường

- Sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách sự nghiệp khoa học vào nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ phục vụ các chương trình môi trường, quy hoạch của tỉnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học công nghệ trong các lĩnh vực quản lý môi trường, xử lý chất thải, phòng chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Tăng cường đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý môi trường và tài nguyên; cải tiến, chuyển đổi công nghệ, khuyến khích áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có, công nghệ cao vào trong các ngành, lĩnh vực theo hướng hiệu quả tài nguyên, thân thiện với môi trường.

- Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin và các công nghệ hiện đại trong quản lý, giám sát môi trường, đặc biệt là các công nghệ phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Phổ biến và nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải với chi phí thấp trong xử lý chất thải khu vực nông thôn. Hạn chế phát triển mới và có lộ trình giảm dần các hoạt động kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải trong khu đô thị, dân cư, hạ tầng thu gom vận chuyển chất thải rắn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, cập nhật, được kết nối liên thông và chia sẻ; bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời; từng bước chuyển đổi số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường.

- Hỗ trợ tài chính, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để thực hiện chương trình sản xuất sạch hơn, kể cả đổi mới thiết bị và công nghệ thông qua các quỹ tài trợ xoay vòng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2030, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã đề xuất.

- Hướng dẫn, triển khai các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, huy động các nguồn vốn, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện Chiến lược.

- Xây dựng và tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

- Kiểm tra việc thực hiện Chiến lược; hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Có nhiệm vụ cân đối, báo cáo UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường; cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất sạch, ít phát thải; dự án thu gom và xử lý, tái chế chất thải, tái sử dụng chất thải để tạo ra nguyên liệu và năng lượng; dự án đầu tư cho lĩnh vực bảo vệ môi trường, cải tạo ô nhiễm của tỉnh.

- Tập trung kêu gọi, vận động các nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư cho các công trình, dự án về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường trong hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh.

1.3. Sở Tài chính

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn, tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh điều chỉnh và ban hành quyết định các loại phí, lệ phí về bảo vệ môi trường cho phù hợp với tình hình thực tế.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về nông nghiệp và phát triển nông thôn của Chiến lược thuộc trách nhiệm quản lý, các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Kiểm soát chặt chẽ và hạn chế tối đa việc sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y gây ô nhiễm môi trường; tiếp tục thực hiện việc thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn; hỗ trợ xây dựng hố thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các địa phương.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, sử dụng an toàn hoá chất trong sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn việc thu gom, tái chế và xử lý các phế phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường công tác bảo vệ đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, sinh vật thủy sản biến đổi gen và sản phẩm của chúng.

1.5. Sở Công Thương

- Chủ trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường của Chiến lược thuộc trách nhiệm quản lý của ngành.

- Phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại quy hoạch các cụm công nghiệp, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư; các cơ sở công nghiệp nhỏ ra khỏi các khu đô thị.

- Hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng sản xuất sạch hơn, thân thiện với môi trường, tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thân thiện với môi trường.



1.6. Sở Xây dựng

- Triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm của Chiến lược thuộc trách nhiệm quản lý của ngành xây dựng.

- Lập và triển khai có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch về đầu tư xây dựng, quản lý kết cấu hạ tầng môi trường về thu gom rác thải; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải đô thị, các nghĩa trang Nhân dân.

- Kiểm soát chặt chẽ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.

1.7. Sở Y tế

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực y tế của Chiến lược.

- Hướng dẫn và quản lý chặt chẽ việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải y tế phát sinh tại các bệnh viện, cơ sở y tế, trung tâm, phòng khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, triển khai thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe cộng đồng và các hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị bức xạ, các loại thuốc, hóa chất phóng xạ, thu gom vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải phóng xạ dùng trong y tế.

1.8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Có trách nhiệm chủ trì thực hiện các nội dung về khoa học và công nghệ của Chiến lược; triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; quản lý, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các hoạt động về bức xạ và hạt nhân theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường để giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, giảm nhẹ tác hại thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, giữ cân bằng sinh thái; phổ biến, hướng dẫn cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 14000; khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ về bảo vệ môi trường.

1.9. Sở Giao thông vận tải

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường của Chiến lược thuộc trách nhiệm quản lý của ngành; đảm bảo các quy hoạch, xây dựng hạ tầng giao thông tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện tham gia giao thông, vận tải, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền quản lý.

1.10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức thực hiện các nội dung của Chiến lược thuộc trách nhiệm của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; quản lý, kiểm tra giám sát thường xuyên công tác bảo vệ môi trường tại các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu văn hóa và các lễ hội; hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, quản lý di tích.

1.11. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành địa phương đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

- Định hướng cho các cơ quan báo chí tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, các trang thông tin điện tử (website), bản tin của các cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp về các mục tiêu, nội dung của Chiến lược.

1.12. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện việc kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

1.13. Sở Tư pháp

Chủ trì thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những văn bản không còn phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quản lý hiện hành.

1.14. Công an tỉnh

- Triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền được giao.

- Huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn tỉnh hoặc liên tỉnh theo quy định của pháp luật; duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý, giải quyết theo thẩm quyền các vụ việc gây ô nhiễm, vi phạm pháp luật về môi trường do các cơ quan, tổ chức và Nhân dân cung cấp.

1.15. Ban Quản lý Khu kinh tế

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược; kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu kinh tế

- Chủ động, kịp thời tham mưu cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh hoặc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; huy

động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.16. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung Chiến lược, tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường của Chiến lược thuộc thẩm quyền được giao; chịu trách nhiệm quản lý toàn diện các vấn đề về bảo vệ môi trường của địa phương và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã đề ra của Chiến lược.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nhà máy xử lý rác thải tập trung, nghĩa trang Nhân dân đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường cho các khu đô thị, dân cư tập trung của địa phương.

1.17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng khác trong tỉnh, các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chiến lược này.

- Có trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường, tổ chức phản biện chính sách, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư có trách nhiệm tuyên truyền cho người dân về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược; khuyến khích các tổ chức, đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia vào các hoạt động về bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Giám sát và đánh giá việc thực hiện

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu bảo vệ môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của mình; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; hàng năm tổ chức đánh giá, 05 năm thực hiện sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh./.